

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 20/11/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		PVD2+P5+P7	7:25	20+2+0	0+0+0		14+1+7	0+0+0	
2		PVD6+BK16+PPD	7:25	14+7+1	0+0+0		9+4+9	0+0+0	
3		PVD2+CIO	9:25	18+4	0+0		14+8	0+0	TRANS 1 PAX PVD2- PVD6TRANS 1 PAX PVD6- PVD1
4		PVD2+PVD6+PVD1	9:25	12+10+0	0+0+0		3+7+12	0+0+0	
5		GTCL+RP2+PVD6	11:25	2+6+11	0+0+0		2+0+20	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.

1/ NGUOI TD3 VA P2 VỀ QUA PPD;

2/ CÁC CHUYẾN BAY 9H25 LÀM THỦ TỤC LÚC 8H00

CÁC CHUYẾN BAY 11H25 LÀM THỦ TỤC LÚC 10H00



FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/11/2018	TO: PVD2 - P5 - P7	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: VThắng - LBình - HIẾU	ETA: 09:20
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ XUÂN CĂN	PVD2	31	1	10		72	KHOAN	Vietnamese
2	ĐẶNG TRỌNG THỨC	PVD2	30	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
3	RICKY L. DIPPOLD	PVD2	13-14	2	17		85	KHOAN	American
4	PHAN VIET HIEU	PVD2	94	1	10		60	KHOAN	Vietnamese
5	CU DINH TUNG	PVD2	15	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
6	HA VAN GIANG	PVD2	21	1	10		68	KHOAN	Vietnamese
7	LE VIET CUONG	PVD2	24-25	2	14		70	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN CAO THONG	PVD2	23	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
9	LUONG VAN HOANG	PVD2	300	1	4		85	KHOAN	Vietnamese
10	TRINH VAN BINH	PVD2	28	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
11	DINH VAN CHAO	PVD2	26	1	12		75	KHOAN	Vietnamese
12	VO VAN HOAT	PVD2	27	1	4		62	KHOAN	Vietnamese
13	BUI VAN CHINH	PVD2	17	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
14	LE THANH TUNG	PVD2	16	1	7		85	KHOAN	Vietnamese
15	PHAM HOANG DAT	PVD2	29	1	6		80	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN VAN TIEN	PVD2	18	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
17	TRAN XUAN NINH	PVD2	22	1	7		68	KHOAN	Vietnamese
18	BUI MINH TUAN	PVD2	20	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
19	TRAN TAN DAT	PVD2	19	1	5		56	KHOAN	Vietnamese
20	TRINH QUANG HOA	PVD2	12	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
21	TRAN VAN THAI	P5	02-03	2	16		65	XAYLAP	Vietnamese
22	LUONG ĐỨC DÂN	P5	01	1	12		60	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD2	20	22	145	1.429	0	14		
2	P5	2	3	28	125	0	1		
3	P7	0	0	0	0	0	7		
TOTAL		22	25	173	1.554	0	22		
WEIGHT KG				173	1.554	0			

GRAND TOAL: 1.727 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/11/2018	TO: PVD6 - BK16 - PPD	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: Vận - MTuấn - Huy	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU TUAN PHONG	PVD6	47	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
2	CAP VAN SEN	PVD6	43	1	10		65	KHOAN	Vietnamese
3	PHAM ANH TUAN	PVD6	48-49	2	7		64	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN XUAN TAO	PVD6	45	1	4		63	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN DUY HUNG	PVD6	51	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
6	DINH XUAN THIEM	PVD6	41-42	2	10		70	KHOAN	Vietnamese
7	VU HOANG CUNG	PVD6	52	1	7		67	KHOAN	Vietnamese
8	TRAN QUOC TUAN	PVD6	46	1	5		66	KHOAN	Vietnamese
9	MAI VAN LUAN	PVD6	44	1	6		66	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN DUY PHUC	PVD6	50	1	11		67	KHOAN	Vietnamese
11	TRAN CONG HA	PVD6	39-40	2	15		79	KHOAN	Vietnamese
12	TRAN VAN HAU	PVD6	55	1	15		63	XAYLAP	Vietnamese
13	TRAN VAN THINH	PVD6	54	1	5	16	65	XAYLAP	Vietnamese
14	DO HONG ANH	PVD6	53	1	5		64	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYEN CONG AN	BK16	44	1	10	60	68	XAYLAP	Vietnamese
16	DUONG QUANG TRUNG	BK16	47	1	5		98	XAYLAP	Vietnamese
17	HOANG TRONG PHUC	BK16	846	1	7		70	XAYLAP	Vietnamese
18	ĐANG THANG LONG	BK16	45-46	2	16		74	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYEN MINH NGOC	BK16	23-24	2	19		88	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYEN SANH TRUONG	BK16	42-43	2	17		61	XAYLAP	Vietnamese
21	BUI CONG DINH	BK16	40-41	2	19		102	XAYLAP	Vietnamese
22	BUI MINH TRI	PPD	23-24	2	10		82	T-TIN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD6	14	17	110	929	16	10		
2	BK16	7	11	93	561	60	4		
3	PPD	1	2	10	82	0	8		
TOTAL		22	30	213	1.572	76	22		
WEIGHT KG				213	1.572	76			

GRAND TOAL: 1.861 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/11/2018	TO: PVD2 - CLO	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: VThắng - LBình - HIẾU	ETA: 11:20
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DINH CONG HOANG	PVD2	79	1	6		58	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN DINH AN	PVD2	59	1	5		61	KHOAN	Vietnamese
3	LE HUU DUNG	PVD2	46	1	2		72	KHOAN	Vietnamese
4	PHAM MINH HOA	PVD2	78	1	5	32	66	KHOAN	Vietnamese
5	PHAM MINH DUC	PVD2	51-52	2	9		66	KHOAN	Vietnamese
6	DINH HAI DANG	PVD2	49-50	2	15		71	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN ANH DUC	PVD2	47-48	2	15		70	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN THANH TRUNG	PVD2	83-84	2	16		65	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN THE CUONG	PVD2	85	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN CHIEN THANG	PVD2	53	1	4		65	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN HUNG QUAN	PVD2	54	1	8		71	KHOAN	Vietnamese
12	DUONG THAI SON	PVD2	81	1	12		72	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN HUNG DUNG	PVD2	58	1	10		73	KHOAN	Vietnamese
14	TRAN VAN NGHIA	PVD2	80	1	12		85	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN VAN TIET	PVD2	55	1	15		75	KHOAN	Vietnamese
16	NHAM DUC TUAN	PVD2	56-57	2	10		65	KHOAN	Vietnamese
17	TANG TIEN TOAN	PVD2	10	1	12		85	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN TUAN DUONG	PVD2	82	1	10		82	KHOAN	Vietnamese
19	NGO KIM NGHIEP	CLO	67-68	2	15		82	CODIEN	Vietnamese
20	VU DINH NAM	CLO	64	1	6		60	CODIEN	Vietnamese
21	NGUYEN TOAN THANG	CLO	66	1	16	14	66	CODIEN	Vietnamese
22	VU DINH TUAN	CLO	65	1	12		85	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD2	18	23	173	1.272	32	14		
2	CLO	4	5	49	293	14	8		
TOTAL		22	28	222	1.565	46	22		
WEIGHT KG				222	1.565	46			

GRAND TOAL: 1.833 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 20/11/2018	TO: PVD2 - PVD6 - PVD1	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:50
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: Vận - MTuấn - Huy	ETA: 11:40
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DOBROVOLSKYI OLEG	PVD2	32	1	18		95	KHOAN	Russian
2	NGUYỄN MẠNH TRƯỜNG	PVD2	33	1	10		78	KHOAN	Vietnamese
3	TRẦN VĂN MẠNH	PVD2	34	1	12		73	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN SỸ TUÂN	PVD2	19	1	11		70	KHOAN	Vietnamese
5	TRẦN QUỐC HUƠNG	PVD2	35	1	12		98	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN THANH PHONG	PVD2	36-37	2	17		53	KHOAN	Vietnamese
7	VU VAN GIANG	PVD2	17	1	10		78	KHOAN	Vietnamese
8	BUI VAN ANH	PVD2	15	1	13		81	KHOAN	Vietnamese
9	PHAM VAN KY	PVD2	13	1	10		64	KHOAN	Vietnamese
10	ĐẶNG ĐỨC HA	PVD2	14	1	12		73	KHOAN	Vietnamese
11	LƯƠNG THẾ MINH	PVD2	16	1	10		63	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN CUƠNG	PVD2	18	1	12		83	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN CÔNG ĐÌNH	PVD6	61	1	15		70	XAYLAP	Vietnamese
14	NGO NGOC VINH	PVD6	60,70	2	20	22	61	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN ĐỨC MINH	PVD6	58	1	10	15	65	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN KHÁC THÔNG	PVD6	59	1	12		68	XAYLAP	Vietnamese
17	HA TIEN DUAN	PVD6	64	1	10		62	KHOAN	Vietnamese
18	TRAN VAN HUY	PVD6	63	1	5		88	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN MẠNH TUÂN	PVD6	57	1	10		58	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN TIEN QUAN	PVD6	65	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYỄN TRUNG CUƠNG	PVD6	66-67	2	14	30	65	KHOAN	Vietnamese
22	NGUYỄN BA THOI	PVD6	62	1	5		74	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD2	12	13	147	909	0	3 + 1		CHUYEN 1 PAX PVD2 SANG PVD6
2	PVD6	10	12	106	673	67	7		
3	PVD1	0	0	0	0	0	12		
TOTAL		22	25	253	1.582	67	22		
WEIGHT KG				253	1.582	67			

GRAND TOAL: 1.902 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 20/11/2018	TO: GTC1 - RP2 - PVD6	AIRCRAFT: 846	ETD: 11:40
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: LBinh - CHIẾN - HIẾU	ETA: 13:30
xanh-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VŨ HÙNG	GTC1	97	1	8	105	85	XAYLAP	Vietnamese
2	MAI XUÂN TUÔNG	GTC1	98	1	5	10	58	XAYLAP	Vietnamese
3	PHẠM THANH CÔNG	RP2	17	1	3		63	PVEP	Vietnamese
4	NGUYỄN BA THU	RP2	18	1	6		50	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN NGỌC DANH	RP2	19	1	14		60	XAYLAP	Vietnamese
6	TRẦN CÔNG ĐỊNH	RP2	13-14	2	15		72	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN TRỌNG QUÊ	RP2	15-16	2	17		60	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN TUÂN NGỌC	RP2	12	1	14		58	XAYLAP	Vietnamese
9	DOAN MINH TIEN	PVD6	74	1	7		78	KHOAN	Vietnamese
10	MCEWAN ROGER WILLIAM	PVD6	84-85	2	15		110	KHOAN	New Zealand
11	PERMBOONKASAMSUK APICHA	PVD6	80-81	2	17		78	KHOAN	Thailand
12	VŨ HUY TOA	PVD6	86	1	15	15	60	KHOAN	Vietnamese
13	DƯƠNG THẾ ĐỨC	PVD6	79	1	12		73	KHOAN	Vietnamese
14	LUONG MANH HAI	PVD6	78	1	14		70	KHOAN	Vietnamese
15	PHẠM TUNG VY	PVD6	76	1	12		65	KHOAN	Vietnamese
16	BUI VĂN THÍCH	PVD6	77	1	5	12	80	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN ĐỨC HAI	PVD6	75	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN NGỌC HUY	PVD6	83	1	12		58	XAYLAP	Vietnamese
19	LÊ THẾ GIÁP	PVD6	88	1	7		68	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	GTC1	2	2	13	143	115	2		
2	RP2	6	8	69	363	0	0		
3	PVD6	11	13	121	802	27	20		
TOTAL		19	23	203	1.308	142	22		
WEIGHT KG				203	1.308	142			

GRAND TOAL: 1.653 KGS

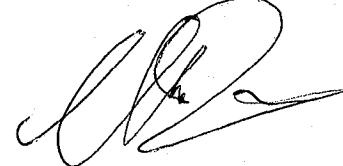
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



KẾ HOẠCH BAY NGÀY 19/11/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P1+P11+BK3	7:25	22+0+0	0+0+0		14+1+1	0+0+0	CHUYỂN 7 PAX TỪ P11-BK3
2		BK6+TD5	7:25	4+18	0+0		1+21	0+0	
3		P7+BK8+P1	7:25	10+11+1	0+0+0		8+7+7	0+0+0	
4		AMD	7:25	22	0		22	0	
5		TD3+BK5	9:25	16+6	0+0		16+6	0+0	
6		P4 P4	9:25	22	0		22	0	
7		TD5+P2+P4	9:25	6+4+12	0+0+0		6+2+14	0+0+0	
8		P2 - PV D4	9:25	22	0		22	0	Chuyển cho PPD1
9		P1	11:25	22	0		22	0	
10		P7+PPD	11:25	20+2	0+0		16+6	0+0	
11		P6+P5+BK8	11:25	9+13+0	0+0+0		5+13+4	0+0+0	
12		BK6+AMD	11:25	5+16	0+0		4+18	0+0	
13		BK9+TD1+P3	13:25	10+0+11	0+0+0		0+4+18	0+0+0	

TTDBSX

Ghi chú : Xem lịch bay sau 1/n và mở rộng dòng này để xem tại ca các trong báo.

1/ ĐI VỀ TRONG NGÀY : P1-SNG, P7-4NG, BK8-4NG, BK6-1NG

2/ 2 NGƯỜI P2 VỀ BỜ QUA PPD VÀ TD3

FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/11/2018	TO: P1 - P11 - BK3	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: Vận - TRƯỜNG - THỤ	ETA: 09:10
XANH-1			

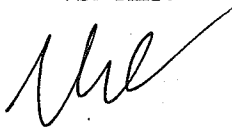
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ VĂN TOÀN	P1	11	1	5	55	74	D-HANH	Vietnamese
2	HỒ NGỌC HÙNG	P1					80	KH-THAC	Vietnamese
3	NHÂM ĐIỆN BIÊN	P1					65	NIPI	Vietnamese
4	PHAN VĂN THỊNH	P1	05	1	5		72	NIPI	Vietnamese
5	TRẦN MINH TUÂN	P1	13	1	5		65	TRUONG S	Vietnamese
6	HOANG ĐÌNH QUE	P1	22	1	10		82	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN THI KIM TUYEN	P1	02	1	5		60	PSV	Vietnamese
8	ĐẶNG VĂN ĐỨC	P1	04	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ NGỌC HAI	P1	16-17	2	9		69	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN DUY HÙNG	P1	23-24	2	14		75	KH-THAC	Vietnamese
11	VÔ HỒNG HAI	P1	07-08	2	15		60	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN HỮU DŨNG	P1	25	1	10		84	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAN TRUNG CHÍNH	P1					66	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN ĐỨC THẮNG	P1	12	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN LONG BIÊN	P1	09	1	5		79	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ KIẾN TRUNG	P1	19	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM BA NGÂN	P1	03	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐỖ XUÂN CHUÔNG	P1	18	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM ANH SƠN	P1	14-15	2	10		65	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN THUY	P1	06	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN VĂN PHIÊN	P1	20-21	2	15		64	KH-THAC	Vietnamese
22	VŨ NAM CƯỜNG	P1	10	1	2		66	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	22	24	139	1.561	55	14		CHUYEN 7 PAX TU P11 SANG BK3
2	P11	0	0	0	0	15	17		
3	BK3	0	0	0	0	40	4		
TOTAL		22	24	139	1.561	110	19		
WEIGHT KG				139	1.561	110			

GRAND TOAL: 1.810 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/11/2018	TO: BK6 - TD5	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: HUNG - Hạnh - MQUÂN	ETA: 09:15
cam-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DO HIỆP PHÚ	BK6	06	1	5	60	52	ANTOAN	Vietnamese
2	TA NGOC THANH	BK6	07	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ VĂN NGHỊ	BK6	08	1	12		70	KH-THAC	Vietnamese
4	TRAN VAN CU	BK6					70	KH-THAC	Vietnamese
5	VU QUOC VIET	TD5	30	1	5		72	DSONG	Vietnamese
6	NGUYEN NHU Y	TD5					70	KHOAN	Vietnamese
7	LÊ THANH LAM	TD5				90	65	KHOAN	Vietnamese
8	HỒ HOÀN KIEM	TD5	22	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN TAN TAI	TD5	19	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
10	BAO NGUYEN LỘC	TD5	300	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
11	TRẦN QUYẾT TIẾN	TD5	18	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN BA HOA	TD5	20	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
13	TRẦN DUY ĐỨC	TD5	27	1	5		76	KHOAN	Vietnamese
14	TRÌNH ANH TRƯỜNG	TD5	23	1	7		65	KHOAN	Vietnamese
15	HOANG NHẬT QUANG	TD5	21	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
16	LÊ VŨ NGỌC	TD5	26	1	7		75	KHOAN	Vietnamese
17	MAI HAI LONG	TD5	31	1	7		75	D-HANH	Vietnamese
18	VŨ NGỌC TIẾN	TD5	32-33	2	17		65	DVL	Vietnamese
19	HỒ VĂN ANH	TD5	24	1	5		75	PSV	Vietnamese
20	TRẦN ĐỨC THUAN	TD5	28	1	8		70	PSV	Vietnamese
21	ĐÌNH VĂN THẮNG	TD5	25	1	5		72	PSV	Vietnamese
22	ĐÌNH VĂN HOÀI	TD5	29	1	5		65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK6	4	3	22	264	60	1		
2	TD5	18	17	101	1.251	90	21		
TOTAL		22	20	123	1.515	150	22		
WEIGHT KG				123	1.515	150			

GRAND TOAL: 1.788 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/11/2018	TO: AMD	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:50
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: Khang - MMinh - Năm	ETA: 09:30
NAU-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PETE BALL	AMD	33-34	2	18	50	118	BIB - HL	S.African
2	TRAN DAI NGHIA	AMD	55-56	2	15		68	JOC - HL	Vietnamese
3	PHAM VU THANG	AMD	54	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
4	VU VIET BINH	AMD	43	1	10		62	KH-THAC	Vietnamese
5	DUONG NHAT QUANG	AMD	40	1	5		54	KH-THAC	Vietnamese
6	TRUONG THE HIEN	AMD	45	1	8		74	KH-THAC	Vietnamese
7	TRAN QUANG THANH	AMD	38	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
8	CHU HUU CHINH	AMD	37	1	5		54	KH-THAC	Vietnamese
9	HOANG NGOC ANH	AMD	50-51	2	11		68	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN TRUNG KIEN	AMD	46	1	14		90	KH-THAC	Vietnamese
11	LE THANH DANH	AMD	44	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
12	TRAN VAN TINH	AMD	52-53	2	7		64	KH-THAC	Vietnamese
13	DO VIET PHUONG	AMD	35	1	7		64	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN VAN VINH	AMD	58	1	4		59	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN VAN NHA	AMD	47	1	6		59	KH-THAC	Vietnamese
16	NGO BA THANH	AMD	36	1	8		64	KH-THAC	Vietnamese
17	TRAN DINH TUAN	AMD	41	1	7		71	KH-THAC	Vietnamese
18	HOANG ANH SON	AMD	57	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAM ANH DUC	AMD	39	1	15		70	KH-THAC	Vietnamese
20	TRUONG LE ANH DUNG	AMD	48	1	7		81	KH-THAC	Vietnamese
21	PHAN DUY PHUONG	AMD	42	1	7		76	KH-THAC	Vietnamese
22	DUONG CONG TAN	AMD	49	1	12		69	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	22	26	197	1.540	50	22		
TOTAL		22	26	197	1.540	50	22		
WEIGHT KG				197	1.540	50			

GRAND TOAL: 1.787 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/11/2018	TO: TD3 - BK5	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:40
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: Vận - TRƯỜNG - THỤ	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐẶNG VĂN HÂN	TD3	37	1	4	40	66	KHOAN	Vietnamese
2	PHẠM THẾ TÂM	TD3	34-35	2	12		78	KHOAN	Vietnamese
3	PHẠM HẢI ĐĂNG	TD3					76	KHOAN	Vietnamese
4	TRẦN TUÂN ANH	TD3	32	1	3		84	KHOAN	Vietnamese
5	VÔ VĂN DŨNG	TD3	36	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
6	TRẦN LÊ KIẾN	TD3	41	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
7	ĐỖ DUY CHỈNH	TD3					66	KHOAN	Vietnamese
8	KHUẤT QUANG KIẾN	TD3	39	1	6		62	KHOAN	Vietnamese
9	VŨ HÙNG ANH	TD3	33	1	3		76	KHOAN	Vietnamese
10	HÀ VĂN PHÚC	TD3					79	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN HÙNG	TD3	38	1	4		82	KHOAN	Vietnamese
12	NGÔ VĂN KIỂM	TD3	42	1	5		66	KHOAN	Vietnamese
13	NGÔ THANH SƠN	TD3	44	1	10		74	DVL	Vietnamese
14	TRẦN VĂN GIANG	TD3	45	1	6	16	71	DVL	Vietnamese
15	MESKOV M.Y	TD3	40	1	13		80	DVL	Russian
16	VŨ VĂN TRUNG	TD3	43	1	11		75	DVL	Vietnamese
17	TRỊNH VĂN THẮNG	BK5	33	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM VĂN TẬP	BK5	24	1	7	42	70	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐOÀN VĂN TRỊNH	BK5	28	1	7	60	61	KH-THAC	Vietnamese
20	HOANG VĂN SƠN	BK5	99	1	11		65	KH-THAC	Vietnamese
21	BUI THE DUONG	BK5	100	1	8		66	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN HỮU NGHIỆM	BK5	29	1	6		58	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	16	14	87	1.195	56	16		
2	BK5	6	6	47	395	102	6		
TOTAL		22	20	134	1.590	158	22		
WEIGHT KG				134	1.590	158			

GRAND TOAL: 1.882 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/11/2018	TO: P4	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:45
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: HUNG - Hạnh - MQUÂN	ETA: 11:25
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	MARZIEV	P4	83	1	10		90	KH-THAC	Russian
2	SAGIROV	P4	82	1	5		72	KH-THAC	Russian
3	VLASOV	P4					90	KH-THAC	Russian
4	ĐO HUU NAM	P4	87	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAN ANH ĐỨC	P4	73	1	4		82	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐAO MINH TUÂN	P4					75	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM TRẦN TUÂN AN	P4	84-85	2	10		76	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐẶNG HỒNG VIỆT	P4	77	1	5		52	KH-THAC	Vietnamese
9	LAM VĂN PHÚC	P4	80	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN PHƯỚC LỘC	P4	81	1	4	40	68	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN NGỌC MINH	P4	75	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN CÔNG TÍNH	P4					65	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN THANH NAM	P4	86	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN BUI TOÀN	P4	90	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
15	SOKOLIUK	P4	69-70	2	15		80	KH-THAC	Russian
16	NGUYỄN VĂN THƯƠNG	P4	71	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAN THANH SƠN	P4	79	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
18	LAM XUÂN HAI	P4	72	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
19	TRƯỜNG ĐÌNH MINH	P4	78	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
20	HOÀNG KHÁC DŨ	P4	74	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN HỮU THANH	P4					56	KH-THAC	Vietnamese
22	PHẠM NGỌC HÙNG	P4	76	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	22	20	109	1.569	40	22		
	TOTAL	22	20	109	1.569	40	22		
	WEIGHT KG			109	1.569	40			

GRAND TOAL: 1.718 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/11/2018	TO: TD5 - P2 - P4	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:50
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: Phong - DUONG - Toan	ETA: 11:30
HONG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHI TRUONG SON	TD5	95	1	5		63	PSV	Vietnamese
2	NGUYEN LUONG SON	TD5	94	1	5		72	PSV	Vietnamese
3	VU DINH HOI	TD5	65	1	3		85	PSV	Vietnamese
4	NGUYEN DANG NAM	TD5	66	1	3		68	PSV	Vietnamese
5	NGUYEN VAN HANH	TD5	55	1	3		60	PSV	Vietnamese
6	NGUYEN VAN LINH	TD5	93	1	5		69	PSV	Vietnamese
7	VO DUY TOAN	P2	63	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN QUANG DUNG	P2	64	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
9	DO VAN DANG	P2	65	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
10	HOANG QUOC LONG	P2	66	1	5		55	PSV	Vietnamese
11	NGUYEN DUC NHAN	P4	36	1	8		69	KH-THAC	Vietnamese
12	LAI MINH HOANG	P4	39	1	4		76	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN DINH TRONG	P4	37	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
14	HOANG VAN TRUNG	P4	33	1	6		65	YTE	Vietnamese
15	TRAN VAN NAM	P4	34	1	4		80	PSV	Vietnamese
16	DOAN VAN TUYEN	P4	40	1	4		79	PSV	Vietnamese
17	PHAM CONG DIEN	P4	30	1	8		72	PSV	Vietnamese
18	VO VAN DUNG	P4	41	1	5		65	PSV	Vietnamese
19	LUU DINH THAI	P4	35	1	3		57	PSV	Vietnamese
20	NGUYEN XUAN DONG	P4	38	1	4		62	PSV	Vietnamese
21	DOAN VAN AI	P4	32	1	4		62	PSV	Vietnamese
22	LE DAC NHA	P4	31	1	3		61	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	6	6	24	417	0	5		
2	P2	4	4	20	256	0	3		
3	P4	12	12	61	823	0	14		
TOTAL		22	22	105	1.496	0	22		
WEIGHT KG				105	1.496	0			

GRAND TOAL: 1.601 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/11/2018	TO: P2 - PVD1	AIRCRAFT: 426	ETD: 10:00
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: Khang - MMinh - Năm	ETA: 11:40
TIM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DƯƠNG XUÂN ĐIẾP	P2	26	1	5		45	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ NGỌC HÙNG	P2	15	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN THANH NAM	P2					60	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN QUỐC TRUNG	P2	12	1	9		75	KH-THAC	Vietnamese
5	HỒ NGHĨA TÀI	P2	24	1	3		64	KH-THAC	Vietnamese
6	HOANG VAN THAI	P2	23	1	3		62	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN VĂN HÙNG	P2	18	1	3		64	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM VĂN THIÊN	P2	27	1	8		76	KH-THAC	Vietnamese
9	HỒ HUY QUYNH	P2					65	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ SỸ VANG	P2	16	1	4		62	KH-THAC	Vietnamese
11	HA VAN NIN	P2	22	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐẶNG QUANG TẾ	P2	21	1	3		64	KH-THAC	Vietnamese
13	HỒ CHẾ LINH	P2	28	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM THANH HIỀN	P2	14	1	3		78	KH-THAC	Vietnamese
15	HOANG TÂN QUAN	P2	17	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ VĂN NAM	P2	25	1	2		60	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN THAI BÌNH	P2	20	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN TIẾN CHUÔNG	P2	11	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN PHÚC ANH ĐÔNG	P2	13	1	10	55	74	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ CÔNG LUY	P2	19	1	8		69	KH-THAC	Vietnamese
21	THAI HOANG TÂM	P2	29	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
22	LUƠNG THẾ HIỀN	P2	09	1	15	10	62	NIPI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	22	20	111	1.459	65	21		
2	PVD1	0	0	0	0	5	1		
TOTAL		22	20	111	1.459	70	22		
WEIGHT KG				111	1.459	70			

GRAND TOAL: 1.640 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/11/2018	TO: P1	AIRCRAFT: 846	ETD: 11:50
FLIGHT: 09	FROM: VT	CREW: Hồi - QViệt - PTUẤN	ETA: 13:30
VANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN THE VINH	P1	38	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
2	TRUONG DINH KHUE	P1	44	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
3	LE DINH PHUC	P1	54-55	2	12		60	KH-THAC	Vietnamese
4	TO QUANG ANH	P1	56	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAM VAN THANG	P1	53	1	8		50	KH-THAC	Vietnamese
6	SHENSHUN D	P1	45	1	10	60	100	KH-THAC	Russian
7	TSAPANOV A.V	P1	46	1	10		90	KH-THAC	Russian
8	NGUYEN TRONG TUYEN	P1	33	1	17		70	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYEN DUC HAO	P1	40	1	17		60	XAYLAP	Vietnamese
10	LE VAN TRIEU	P1	32	1	5		70	XAYLAP	Vietnamese
11	LE BICH ANH	P1	47-48	2	10		76	XAYLAP	Vietnamese
12	LE VAN NIN	P1	51-52	2	17		70	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYEN VAN PHUOC	P1	66	1	15		65	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYEN DINH SON	P1	49-50	2	17		70	XAYLAP	Vietnamese
15	TRAN MANH HUNG	P1	34-35	2	17		90	XAYLAP	Vietnamese
16	DINH DUC THIEN	P1	57	1	15		65	XAYLAP	Vietnamese
17	DINH XUAN TOAN	P1	30,65	2	15		65	T-TIN	Vietnamese
18	PHAM MINH TOAN	P1	36-37	2	12		58	YTE	Vietnamese
19	PHAM VAN HIEP	P1	43	1	5		80	PSV	Vietnamese
20	LE HONG MINH	P1	42	1	5		70	PSV	Vietnamese
21	NGUYEN KHANH CHAN	P1					58	PSV	Vietnamese
22	PHAN SY HOAN	P1	41	1	5		65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	22	28	234	1.534	60	22		
TOTAL		22	28	234	1.534	60	22		
WEIGHT KG				234	1.534	60			

GRAND TOAL: 1.828 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/11/2018	TO: P7 - PPD	AIRCRAFT: 410	ETD: 11:55
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: HÙNG - Hạnh - MQUÂN	ETA: 13:35
NAU-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN NGOC QUANG	P7	01-02	2	17		70	XAYLAP	Vietnamese
2	ĐINH HOAI NAM	P7	16-17	2	20		85	KH-THAC	Vietnamese
3	MAI VAN SON	P7	22-23	2	15		60	KH-THAC	Vietnamese
4	TRỊNH VĂN PHƯỢNG	P7					80	KH-THAC	Vietnamese
5	DOAN ĐÌNH PHẠC	P7	09	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
6	LAM ĐĂNG GIANG	P7					76	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN GIA CHUNG	P7	10	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐINH VĂN TOÀN	P7	03	1	6		58	KH-THAC	Vietnamese
9	BUI THANH CAM	P7	13	1	7	20	75	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN ANH HUNG	P7	14	1	15		78	CODIEN	Vietnamese
11	PHẠM TIẾN DŨNG	P7	18	1	7		68	CODIEN	Vietnamese
12	NGUYEN THANH DANH	P7	07	1	5		56	CODIEN	Vietnamese
13	LAI ĐỨC HẠO	P7	19-20	2	15		78	YTE	Vietnamese
14	ĐO LỸ KHANH	P7	04	1	5		86	PSV	Vietnamese
15	LÊ HỮU LONG	P7	05	1	5		55	PSV	Vietnamese
16	PHẠM VĂN TÀI	P7	15	1	4		71	PSV	Vietnamese
17	LÊ CHI CƯỜNG	P7	12	1	5		52	PSV	Vietnamese
18	NGUYEN ĐÌNH ĐỨC	P7	11	1	5		75	PSV	Vietnamese
19	LÊ PHƯỚC ĐỨC	P7	06	1	5		70	PSV	Vietnamese
20	ĐAO TUÂN CHU	P7	08	1	3		67	PSV	Vietnamese
21	VU ĐỨC HOANG	PPD	02	1	5		65	KHI	Vietnamese
22	TRƯỜNG TRI DŨNG	PPD	01	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P7	20	22	147	1.403	20	16		
2	PPD	2	2	12	125	0	6		
TOTAL		22	24	159	1.528	20	22		
WEIGHT KG				159	1.528	20			

GRAND TOAL: 1.707 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/11/2018	TO: P6 - P5 - BK8	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:00
FLIGHT: 11	FROM: VT	CREW: Phong - DUONG - Toan	ETA: 13:40
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN MANH TUNG	P6	43	1	8		76	D-HANH	Vietnamese
2	LE NGOC AN	P6	44	1	3	10	58	D-HANH	Vietnamese
3	PHAM DINH QUYEN	P6	45	1	3	18	74	D-HANH	Vietnamese
4	NGUYEN VAN MINH	P6	41	1	12	40	82	T-TIN	Vietnamese
5	DO CONG MINH	P6	46	1	3		69	GETRACO	Vietnamese
6	LE KIM SANG	P6	49	1	7		65	GETRACO	Vietnamese
7	HA KIM LINH	P6	48	1	4		47	GETRACO	Vietnamese
8	NGUYEN DUY CANH	P6	47	1	3		53	GETRACO	Vietnamese
9	NGUYEN DUC THANG	P6	42	1	8		67	YTE	Vietnamese
10	NGUYEN VIET HUNG	P5	76-77	2	7		77	KH-THAC	Vietnamese
11	TONG XUAN SINH	P5	86	1	4		61	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN TUAN MINH	P5	85	1	6		80	KH-THAC	Vietnamese
13	TRAN DINH TU	P5	87	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
14	TRAN MINH THANH	P5	84	1	15	8	52	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN VAN NGOC	P5	81	1	6	55	67	KH-THAC	Vietnamese
16	BUI TRONG NGHIA	P5	88	1	3		62	KH-THAC	Vietnamese
17	TRAN CAO MANH	P5	89-90	2	8		67	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN TIEN TUE	P5	79	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN VAN SON	P5	78	1	7		72	YTE	Vietnamese
20	LE XUAN TINH	P5	82	1	7		68	PSV	Vietnamese
21	PHAN VAN HONG	P5	80	1	5		65	PSV	Vietnamese
22	NGUYEN THANH HAI	P5	83	1	4		51	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P6	9	9	51	591	68	5		
2	P5	13	15	81	865	63	13		
3	BK8	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		22	24	132	1.456	131	22		
WEIGHT KG				132	1.456	131			

GRAND TOAL: 1.719 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/11/2018	TO: BK6 - AMD	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:10
FLIGHT: 12	FROM: VT	CREW: Khang - CHIẾN - Năm	ETA: 13:50
CAM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LE VAN TIEP	BK6	39	1	12		72	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN THANH HAI	BK6	36-38	3	17		72	KH-THAC	Vietnamese
3	BUI TRAN VIET	BK6	34	1	5	70	66	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN QUOC AN	BK6	35	1	5		67	PSV	Vietnamese
5	NGUYEN QUOC HUNG	BK6	40	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN MINH HOANG	AMD	05	1	7		80	KH-THAC	Vietnamese
7	LE VIET THANG	AMD	09-10	2	10		68	KH-THAC	Vietnamese
8	TRAN HUU DANG	AMD	13-14	2	10		80	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN KHAC TOAN	AMD	06	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
10	DO THANH HUNG	AMD	07	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
11	LE HUU HA	AMD	18	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
12	DUONG CONG AN	AMD	01	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN KHAC CUONG	AMD	22-23	2	15		72	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN BA THUAN	AMD	27-28	2	17		70	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAM HOANG	AMD	19-21	3	12		70	KH-THAC	Vietnamese
16	LE CONG HAI	AMD	15-17	3	17		60	KH-THAC	Vietnamese
17	LE ANH DUC	AMD	24-26	3	17		65	KH-THAC	Vietnamese
18	HA VAN TIEN	AMD	03	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
19	DANG DOAN DUNG	AMD	02,04	2	10		75	KH-THAC	Vietnamese
20	HUYNH LE BAO THANH	AMD	08	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
21	PHAN VAN HOA	AMD	11-12	2	10		65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK6	5	7	49	342	70	4		
2	AMD	16	28	165	1.122	0	18		
TOTAL		21	35	214	1.464	70	22		
WEIGHT KG				214	1.464	70			

GRAND TOAL: 1.748 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/11/2018	TO: BK9 - TD1 - P3	AIRCRAFT: 846	ETD: 14:00
FLIGHT: 13	FROM: VT	CREW: Hồi - QViệt - PTUẤN	ETA: 15:40
VANG-4			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN TOÀN	BK9	39-40	2	13		67	XAYLAP	Vietnamese
2	PHẠM TẤT LỰC	BK9	47-48	2	20		78	XAYLAP	Vietnamese
3	ĐỖ TRỌNG LUỘNG	BK9	41-42	2	19		64	XAYLAP	Vietnamese
4	TRẦN KHA	BK9	49-50	2	20		70	XAYLAP	Vietnamese
5	BUI VĂN THOẠI	BK9	51-52	2	19		60	XAYLAP	Vietnamese
6	ĐẶNG XUÂN THĂNG	BK9	43	1	12	40	71	XAYLAP	Vietnamese
7	LÊ TRỌNG HÙNG	BK9	44-45	2	17		76	XAYLAP	Vietnamese
8	LÊ XUÂN TUNG	BK9	46	1	11		72	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYEN VIET HUNG	BK9	53	1	10		65	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN SƠN	BK9	38	1	5		60	PSV	Vietnamese
11	NG. VĂN TRƯỞNG	P3	45	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
12	VŨ DUY KHUÔNG	P3	46	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
13	BUI VĂN THANH	P3	24	1	4		58	KH-THAC	Vietnamese
14	LÂM TUẤN KHAI	P3	29	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ KHAI ĐẠT	P3	27-28	2	17		93	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN QUANG TRUNG	P3	44	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG	P3	22	1	10		62	KH-THAC	Vietnamese
18	CHAU ĐÌNH TU	P3	23	1	4	40	72	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN CÔNG THANH	P3	26	1	5		56	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ VĂN QUYÊN	P3	30	1	5		54	GETRACO	Vietnamese
21	NGUYỄN CẢNH HIỀN	P3	25	1	5		55	GETRACO	Vietnamese
22	DUONG VAN HAI	P3	31	1	5		61	PVC-PT	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK9	10	16	146	683	40	0		
2	TD1	0	0	0	0	15	4		
3	P3	12	13	78	781	40	18		
TOTAL		22	29	224	1.464	95	22		
WEIGHT KG				224	1.464	95			

GRAND TOAL: 1.783 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN